

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên
tháng Chín và chín tháng năm 2026

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) theo giá so sánh 2020 quý III ước tính tăng 12,01% so với cùng kỳ năm 2025; lũy kế chín tháng năm 2026, GRDP ước tính tăng 11,22%; tăng trưởng kinh tế tiếp tục duy trì xu hướng quý sau cao hơn quý trước (sơ bộ quý I tăng 10,59%; sơ bộ quý II tăng 11,00%; sơ bộ 6 tháng đầu năm tăng 10,81%; ước tính quý III tăng 12,01%). Trong đó, duy trì mức tăng trưởng khá ở cả 3 khu vực kinh tế:

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng tăng 2,47% (vượt so với kịch bản 0,01 điểm phần trăm), đóng góp 0,35 điểm phần trăm vào tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh. Trong đó, quý I tăng 3,30%; quý II tăng 2,33%; 6 tháng tăng 2,75%; ước tính quý III tăng 1,75% (do ảnh hưởng của sản lượng nhãn, vải đạt thấp).

Khu vực công nghiệp, xây dựng tiếp tục là điểm sáng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế 9 tháng của tỉnh, ước tính tăng 14,84% (vượt so với kịch bản 0,04 điểm phần trăm), đóng góp 8,02 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung của tỉnh. Trong đó, quý I tăng 13,26%; quý II tăng 15,17%; 6 tháng đầu năm tăng 14,26%; ước tính quý III tăng 15,86% so với cùng kỳ năm trước.

Khu vực dịch vụ duy trì mức tăng trưởng khá, ước tính 9 tháng đạt 9,14% (vượt so với kịch bản 0,33 điểm phần trăm), đóng góp 2,37 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung của tỉnh. Trong đó, quý I tăng 9,84%; quý II tăng 8,68%; 6 tháng đầu năm tăng 9,25%; ước tính quý III tăng 8,93%.

Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 9 tháng năm 2026 tăng 8,19% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,49 điểm phần trăm vào tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh.

Chín tháng năm 2026, so với các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng thì tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hưng Yên xếp thứ 5/6 tỉnh, thành phố và xếp thứ 7/34 tỉnh, thành phố của cả nước. Tăng trưởng của các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Hồng như sau: Ninh Bình tăng 11,31%; Hải Phòng tăng 12,08%; Quảng Ninh tăng 12,54%; Bắc Ninh tăng 11,81%; Hà Nội tăng 8,85%.

Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành ước tính 9 tháng đạt 258.909 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 11,73%; khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm 55,58% (riêng công nghiệp chiếm 45,18%); khu vực dịch vụ chiếm 26,86%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,83%.

2. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Chín tháng năm 2026, nhiệm vụ trọng tâm trong sản xuất nông nghiệp của các địa phương là tổ chức gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng vụ đông xuân, vụ mùa; đồng thời tập trung chăm sóc, bảo vệ đàn gia súc, gia cầm và phát triển nuôi trồng thủy sản. Các mô hình sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và bảo vệ môi trường tiếp tục được quan tâm phát triển. Kết quả cụ thể như sau:

a) Nông nghiệp

Trồng trọt

Cây hằng năm

Vụ mùa năm 2026, toàn tỉnh hoàn thành gieo cấy 96.000 ha lúa mùa, trong đó, diện tích lúa mùa trà sớm chiếm 10-15% tổng diện tích. Tỷ lệ gieo cấy lúa chất lượng cao chiếm trên 50% diện tích gieo cấy, bằng các giống lúa như: Nếp thơm Hưng Yên, Đài thơm 8, Tiền Hải 1,... còn lại là các giống lúa năng suất cao, thời gian sinh trưởng ngắn như: Thiên Ưu 8, TBR225, TBR87,... Diện tích gieo sạ là 24.500 ha (đạt 25,5%), diện tích cấy máy khoảng 35.000 ha (đạt 36,5% diện tích gieo cấy). Đến ngày 23/9/2026, diện tích lúa mùa trổ bông của tỉnh đạt trên 90.000 ha. Diện tích lúa mùa sớm đã thu hoạch toàn tỉnh khoảng 6.500 ha.

Đối với cây rau màu, diện tích gieo trồng cây rau màu hè thu của tỉnh dự kiến khoảng 12.500 ha. Đến nay, toàn tỉnh đã cơ bản gieo trồng xong, trong đó: ngô 2.000 ha; đậu đỗ 1.750 ha; dưa, bí 1.500 ha, còn lại là các loại rau màu khác. Diện tích rau màu hè thu đã thu hoạch được khoảng 11.500 ha. Hiện nay, nông dân các địa phương đang gieo trồng cây vụ đông các loại, diện tích gieo trồng được khoảng 10.000 ha. Về tình hình sâu bệnh, trên đồng ruộng đang xuất hiện một số loại sâu bệnh hại lúa và cây rau màu, gây ảnh hưởng đến năng suất cây trồng như: bệnh khô vằn; sâu đục thân hai chấm; rầy nâu, rầy lưng trắng; bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn; bọ trĩ, bọ phấn. Nhà nông cần tiếp tục nắm bắt diễn biến thời tiết và các đối tượng dịch hại cây trồng để có các biện pháp phòng trừ sâu bệnh kịp thời.

Cây lâu năm

Chín tháng qua, tình hình sản xuất cây lâu năm của tỉnh vẫn ổn định và phát triển. Ước tính tổng diện tích hiện có các loại cây lâu năm chín tháng năm 2026 đạt 23.773 ha, tăng 0,36% (tăng 86 ha) so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó: cây ăn quả 20.360 ha, tăng 0,03% (tăng 6,21 ha) và chiếm tới 85,64% trong tổng

diện tích cây lâu năm toàn tỉnh; cây lấy quả chứa dầu 87 ha, tăng 0,37% (tăng 0,32 ha); cây chè 173 ha, ổn định so với cùng kỳ năm trước; cây gia vị và dược liệu lâu năm 1.102 ha, giảm 0,01% (giảm 0,12 ha); cây lâu năm khác 2.033 ha, tăng 4,08% (tăng 80 ha). Diện tích hiện có một số loại cây ăn quả chủ yếu như sau: cây chuối 4.742 ha, giảm 1,02% (giảm 49 ha); cây ổi 1.106 ha, tăng 0,90% (tăng 10 ha); cây cam 1.831 ha, giảm 0,73% (giảm 14 ha); cây bưởi 2.490 ha, tăng 0,80% (tăng 33 ha), cây nhãn 5.689 ha, tăng 0,08% (tăng 4 ha); cây vải 1.802 ha, tăng 1,75% (tăng 31 ha).

Ước tính sản lượng một số loại cây ăn quả chủ yếu trong chín tháng năm 2026 trên địa bàn tỉnh như sau: chuối 102.300 tấn, tăng 5,07% (tăng 4.940 tấn); ổi 15.900 tấn, tăng 4,48% (tăng 682 tấn); đu đủ 3.890 tấn, tăng 3,90% (tăng 146 tấn); cam 23.610 tấn, tăng 0,36% (tăng 85 tấn); táo 4.600 tấn, tăng 1,55% (tăng 70 tấn); vải 18.453 tấn, giảm 23,04% (giảm 5.525 tấn); nhãn 41.500 tấn, giảm 24,34% (giảm 13.353 tấn). Đối với cây nhãn - cây lâu năm chủ lực của tỉnh, năm nay điều kiện thời tiết không thuận lợi cho quá trình phân hóa mầm hoa, làm tỷ lệ ra hoa và đậu quả thấp, dẫn đến sản lượng nhãn giảm so với năm trước.

b) Chăn nuôi

Chín tháng năm 2026, công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được các ngành chuyên môn và địa phương triển khai chủ động, thường xuyên. Dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được phát hiện và kiểm soát kịp thời, không để lây lan diện rộng. Tỉnh đã cấp phát vắc xin phục vụ tiêm phòng vụ thu - đông gồm: 379.170 liều dịch tả lợn; 67.650 liều tai xanh ở lợn; 296.800 liều lở mồm long móng; 33.650 liều tụ huyết trùng trâu, bò; 10.550 liều viêm da nổi cục; 3.353.800 liều cúm gia cầm và 25.390 liều dại ở đàn chó.

Ước tính tại thời điểm 30/9/2026, số lượng đầu con gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh như sau: đàn trâu 11.030 con, giảm 7,35%; đàn bò 74.541 con, giảm 9,96%; đàn lợn (không tính lợn con chưa tách mẹ) 1.058.226 con, giảm 0,20%; đàn gia cầm (gà, vịt, ngan) 23.347 nghìn con, giảm 0,90%, trong đó: đàn gà đạt 17.190 nghìn con, giảm 0,16% so với cùng thời điểm năm trước.

Ước tính sản lượng thịt hơi xuất chuồng của tỉnh trong chín tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước như sau: thịt trâu 1.076 tấn, tăng 3,76%; thịt bò 11.025 tấn, tăng 3,60%; thịt lợn 229.848 tấn, tăng 5,85%; thịt gia cầm (gà, vịt, ngan) 90.025 tấn, tăng 6,33% (trong đó thịt gà 68.430 tấn, tăng 4,70%). Sản lượng sản phẩm chăn nuôi khác trong chín tháng năm 2026: trứng gia cầm 684.378 nghìn quả, giảm 2,90%; sữa 7.421 tấn, giảm 0,51% so với cùng kỳ năm trước.

c) Lâm nghiệp

Từ đầu năm đến nay, sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên duy trì ổn định, không có biến động lớn. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục được các địa phương, đơn vị chức năng triển khai hiệu quả; không xảy ra

cháy rừng, phá rừng. Sản lượng gỗ khai thác ước trong tháng Chín đạt 431 m³, giảm 0,92%; số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước đạt 142 nghìn cây, tăng 2,01% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế chín tháng năm 2026, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 4,48 ha, giảm 70,13%; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 4.069 m³, tăng 0,15%; sản lượng củi ước đạt 10.479 Ste, giảm 0,03 % so với cùng kỳ năm trước.

d) Sản xuất thủy sản

Chín tháng năm 2026, tổng sản lượng thủy sản toàn tỉnh ước đạt 266.787 tấn, tăng 3,44% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: sản lượng cá 130.952 tấn, tăng 2,68%; tôm 5.666 tấn, tăng 4,25%; thủy sản khác 130.170 tấn, tăng 4,17% so với cùng kỳ năm trước

Khai thác thủy sản biển: Sản lượng thủy sản khai thác biển tháng Chín ước đạt 8.432 tấn, tăng 5,45% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: sản lượng cá 6.062 tấn, tăng 5,53%; tôm 246 tấn, tăng 5,23%; thủy sản khác 2.124 tấn, tăng 5,24%. Tính chung chín tháng năm 2026, sản lượng thủy sản khai thác biển ước đạt 81.696 tấn, tăng 3,98% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: sản lượng cá 53.030 tấn, tăng 4,07%; tôm 1.495 tấn, tăng 4,33%; thủy sản khác 27.171 tấn, tăng 3,79%.

Nuôi trồng thủy sản: Toàn tỉnh có 996 lồng nuôi cá trên sông; các đối tượng nuôi trong lồng bao gồm: Cá lăng, điêu hồng, trắm, chép, chép giòn, ngạnh, trắm đen. Phát triển nuôi hàu cửa sông đạt 4.470 bè thuộc cửa sông trên địa bàn xã Hưng Phú, Đông Thụy Anh. Sản lượng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh tháng Chín ước đạt 23.367 tấn, tăng 4,95% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó: sản lượng cá 8.966 tấn, tăng 4,83%; tôm 880 tấn, tăng 5,12%; thủy sản khác 13.521 tấn, tăng 5,01%. Chín tháng năm 2026, sản lượng thủy sản nuôi trồng toàn tỉnh ước đạt 183.411 tấn, tăng 4,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: sản lượng cá 76.930 tấn, tăng 4,17%; tôm 3.986 tấn, tăng 4,56%; thủy sản khác 102.496 tấn, tăng 4,30%.

3. Sản xuất công nghiệp

So với tháng trước, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Chín tăng 0,54%, trong đó: khai khoáng giảm 0,26%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,30%; sản xuất và phân phối điện giảm 7,78%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,88%. Một số sản phẩm có sản lượng sản xuất tăng so với tháng trước như: Nitorat Amoni tăng hơn 3,5 lần; quần áo các loại tăng 24,61%; máy phát điện xoay chiều (máy giao điện) tăng 13,75%; máy điều hòa không khí loại lắp vào cửa sổ hoặc lắp vào tường tăng 8,79%; tàu đánh bắt thủy hải sản, các loại tàu chuyên dụng tăng 8,77%; tấm, phiến, màng, lá và dải khác bằng plastic khác tăng 8,26%; dây cách điện đơn bằng đồng tăng 6,84%; vật liệu kim loại khác thứ cấp tăng 5,97%; gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm tăng 5,23%;... Các sản phẩm có sản lượng sản xuất

giảm so với tháng trước như: dây cách điện đơn dạng cuộn khác giảm 19,66%; giày, dép có đế hoặc mũ bằng da giảm 19,52%; bộ phận của thiết bị điện khác chưa được phân vào đâu giảm 15,56%; vật liệu kim loại quý thứ cấp giảm 15,52%; sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85% giảm 11,98%; điện sản xuất giảm 10,17%; sắt, thép không hợp kim cán phẳng có chiều rộng $\geq 600\text{mm}$, được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp khác giảm 21,07%; thép hợp kim khác dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác giảm 17,57%; sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác giảm 7,34%; máy giặt loại dùng cho hiệu giặt là quần áo với sức chứa $> 10\text{ kg}$ vải khô một lần giặt giảm 8,78%;...

So với tháng cùng kỳ năm trước, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Chín tăng 16,78%, trong đó: khai khoáng giảm 40,96%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16,79%; sản xuất và phân phối điện tăng 17,12%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 16,68%. Một số sản phẩm có sản lượng sản xuất tăng so với tháng Chín năm 2025 như: máy cắt dùng cho các bãi cỏ, công viên hoặc sân thể thao tăng hơn 4 lần; tàu đánh bắt thủy hải sản, các loại tàu chuyên dụng tăng 3,97 lần; quần áo các loại tăng 97,74%; dây cách điện đơn bằng đồng tăng 96,08%; xe mô tô, xe máy và xe đạp có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh không quá 50 cc tăng 54,39%; bao và túi bằng plastic các loại tăng 30,51%; vật liệu kim loại khác thứ cấp tăng 25,43%; gỗ ốp, lát công nghiệp tăng 21,30%; điện sản xuất tăng 19,35%; thức ăn cho gia súc tăng 18,84%; ống dẫn bằng sắt, thép không nối, dùng để dẫn dầu hoặc khí tăng 21,46%; thanh, que sắt, thép không hợp kim được cán nóng, dạng cuộn cuộn không đều tăng 16,49%;... Bên cạnh đó, có một số sản phẩm có sản lượng sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước như: sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ giảm 26,02%; giày, dép có đế hoặc mũ bằng da giảm 24,21%; máy giặt loại dùng cho hiệu giặt là quần áo với sức chứa $> 10\text{ kg}$ vải khô một lần giặt giảm 20,07%; dây cách điện đơn dạng cuộn khác giảm 13,80%; giày, dép khác chưa được phân vào đâu giảm 11,33%; mỳ, phở, miến, bún, cháo ăn liền giảm 11,19%; sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85% giảm 10,84%; vật liệu phi kim loại thứ cấp khác giảm 7,13%; Nitorat Amoni giảm 2,0%; sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác giảm 2,99%; thép hợp kim khác dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác giảm 27,64%;...

Tính chung chín tháng năm 2026, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 15,70% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy sản xuất công nghiệp của tỉnh tiếp tục có sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Trong đó: Chỉ số sản xuất ngành khai khoáng giảm 6,23%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16,34%; sản xuất và phân phối điện tăng 8,95%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải tăng 16,08%. Một số ngành công nghiệp cấp 2 của tỉnh có chỉ số sản xuất tăng như: sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 99,36%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 75,73%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu

tăng 38,93%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 34,34%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 29,71%; sản xuất trang phục tăng 28,98%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 23,04%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 19,95%; sản xuất thiết bị điện tăng 15,98%; sản xuất kim loại tăng 13,36%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 10,90%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 10,30%;... Bên cạnh đó, các ngành công nghiệp có xu hướng giảm hoặc tăng nhẹ như: sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 21,07%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 13,87%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 2,05%; dệt tăng 2,10%;...

Sản lượng sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong chín tháng năm 2026 tăng so với cùng kỳ năm trước như: máy cắt dùng cho các bãi cỏ, công viên hoặc sân thể thao tăng 233,66%; tàu đánh bắt thủy hải sản, các loại tàu chuyên dụng tăng 195,51%; mạch điện tử tích hợp tăng 41,02%; dây cách điện đơn bằng đồng tăng 40,02%; xe mô tô, xe máy và xe đạp có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh không quá 50 cc tăng 31,86%; bộ phận của thiết bị điện khác chưa được phân vào đâu tăng 29,33%; bao và túi bằng plastic các loại tăng 29,14%; quần áo các loại tăng 26,86%; vật liệu kim loại quý thứ cấp tăng 22,05%; máy phát điện xoay chiều (máy giao điện) tăng 20,26%; sắt, thép không hợp kim cán phẳng không gia công quá mức cán nóng, dạng cuộn, có chiều rộng $\geq 600\text{mm}$, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng tăng 21,0%; sắt, thép không hợp kim cán phẳng có chiều rộng $\geq 600\text{mm}$, được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp khác tăng 27,41%;.... Các sản phẩm có sản lượng sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước như: giày, dép có đế hoặc mũ bằng da giảm 28,61%; vật liệu phi kim loại thứ cấp khác giảm 16,10%; máy điều hòa không khí loại lắp vào cửa sổ hoặc lắp vào tường giảm 15,74%; tấm, phiến, màng, lá và dải khác bằng plastic khác giảm 15,25%; giày, dép khác chưa được phân vào đâu giảm 13,87%; Nitorat Amoni giảm 7,72%; khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp giảm 2,39%; sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85% giảm 1,77%; thép hợp kim khác dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác giảm 16,61%;...

4. Hoạt động xây dựng

Chín tháng năm 2026, hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh diễn ra sôi động. Hàng loạt dự án trọng điểm về giao thông, khu công nghiệp, chỉnh trang đô thị, trung tâm thương mại, nhà ở xã hội được tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ để đưa vào khai thác sử dụng.

Kết quả cụ thể ngành xây dựng trong chín tháng năm 2026 như sau: (1) Giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá so sánh năm 2020 ước đạt 76.901 tỷ đồng, tăng 14,18% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, giá trị công trình nhà ở 38.409 tỷ đồng, tăng 22,90%; giá trị công trình nhà không ở 12.383 tỷ đồng, tăng 16,02%; công trình kỹ thuật dân dụng 19.448 tỷ đồng, giảm 7,73%; hoạt động

xây dựng chuyên dụng 6.660 tỷ đồng, tăng 53,20%. (2) Giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành ước tính đạt 105.935 tỷ đồng. Phân theo loại hình sở hữu: giá trị sản xuất theo loại hình ngoài nhà nước 71.321 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng cao nhất - chiếm tới 67,33% tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng; loại hình nhà nước 172 tỷ đồng; loại hình có vốn đầu tư nước ngoài 2.303 tỷ đồng; loại hình khác 32.140 tỷ đồng. Phân theo loại công trình: giá trị công trình nhà ở 53.281 tỷ đồng (chiếm 50,30%); nhà không ở 17.103 tỷ đồng (chiếm 16,14%); công trình kỹ thuật dân dụng 27.020 tỷ đồng (chiếm 25,51%); hoạt động xây dựng chuyên dụng 8.531 tỷ đồng (chiếm 8,05%).

5. Thương mại, dịch vụ

Chín tháng năm 2026, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển ổn định, duy trì mức tăng trưởng khá - tăng 9,14% so với cùng kỳ năm trước; thị trường hàng hóa cơ bản ổn định, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được bảo đảm, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Chín ước đạt 26.087 tỷ đồng, tăng 4,48% so với tháng trước và tăng 17,20% so với cùng kỳ năm trước. Cộng dồn chín tháng năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng toàn tỉnh ước đạt 223.151 tỷ đồng, tăng 17,50% so cùng kỳ năm trước. Diễn biến tình hình tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo nhóm ngành cụ thể như sau:

Bán lẻ hàng hóa: Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng Chín ước đạt 12.277 tỷ đồng, chiếm 47,06% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 0,42% so với tháng trước và tăng 18,69% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, hầu hết các nhóm ngành hàng đều tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: lương thực, thực phẩm tăng 17,98%; hàng may mặc tăng 12,52%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 19,08%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 101,71%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 26,07%; ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) tăng 35,69%; phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng) tăng 33,62%; xăng, dầu các loại tăng 21,14%; nhiên liệu khác trừ xăng, dầu tăng 62,99%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 47,75%. Duy nhất có nhóm hàng hóa khác giảm 9,70%.

Tính chung chín tháng năm 2026, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 110.606 tỷ đồng, tăng 18,68% so với cùng kỳ năm trước. Tất cả các nhóm ngành hàng đều có doanh thu tăng so với cùng kỳ năm trước như: lương thực, thực phẩm tăng 22,93%; hàng may mặc tăng 18,0%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 13,67%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 68,86%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 12,54%; ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) tăng 32,53%; phương tiện đi lại (trừ ô tô con, kể cả phụ tùng) tăng 7,93%; xăng dầu các loại tăng 21,32%; nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) tăng 47,84%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 38,15%; hàng hóa khác tăng 5,98%.

Dịch vụ lưu trú và ăn uống có doanh thu tháng Chín ước đạt 1.276 tỷ đồng, tăng 0,92% so với tháng trước và tăng 23,92% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ lưu trú 37 tỷ đồng, tăng 1,89% so với tháng trước và tăng 11,78% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ ăn uống 1.239 tỷ đồng, tăng 0,89% so với tháng trước và tăng 24,33% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung chín tháng năm 2026, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 11.341 tỷ đồng, tăng 17,10% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ lưu trú 328 tỷ đồng, tăng 13,52%; dịch vụ ăn uống 11.013 tỷ đồng, tăng 17,21%.

Doanh thu dịch vụ du lịch, lễ hành tháng Chín ước đạt 10,51 tỷ đồng, giảm 34,32% so với tháng trước và tăng 15,58% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung chín tháng năm 2026, doanh thu dịch vụ du lịch, lễ hành ước đạt 93 tỷ đồng, tăng 12,76% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu ngành dịch vụ khác tháng Chín ước đạt 12.524 tỷ đồng, tăng 9,26% so với tháng trước và tăng 15,14% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến một số ngành có doanh thu lớn như sau: dịch vụ kinh doanh bất động sản ước đạt 11.100 tỷ đồng, tăng 10,00% so với tháng trước và tăng 15,34% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ 517 tỷ đồng, tăng 2,67% so với tháng trước và tăng 14,84% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ giáo dục và đào tạo 244 tỷ đồng, tăng 15,79% so với tháng trước và tăng 9,44% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội 256 tỷ đồng, tăng 0,58% so với tháng trước và tăng 15,36% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ khác 318 tỷ đồng, tăng 0,67% so với tháng trước và tăng 12,23% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung chín tháng năm 2026, doanh thu dịch vụ khác ước đạt 101.110 tỷ đồng, tăng 16,29% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất - chiếm tới 88,34% tổng doanh thu các ngành dịch vụ khác và tăng 16,80% so với cùng kỳ; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 12,76%; giáo dục và đào tạo tăng 11,01%; y tế và trợ giúp xã hội tăng 14,20%; nghệ thuật vui chơi, giải trí tăng 15,18%; dịch vụ khác tăng 11,26%.

6. Hoạt động vận tải

Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng Chín ước đạt 2.546 tỷ đồng, tăng 1,72% so với tháng trước và tăng 16,38% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung chín tháng năm 2026, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 22.064 tỷ đồng, tăng 17,14% so với cùng kỳ năm trước.

Vận tải hành khách tháng Chín ước đạt 6 triệu lượt người vận chuyển và 570 triệu lượt người luân chuyển, lần lượt tăng 4,23% về lượt người vận chuyển, tăng 5,56% về lượt người luân chuyển so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước lần lượt tăng 13,40% về lượt người vận chuyển, tăng 17,50% về lượt người luân chuyển; doanh thu vận tải hành khách tháng Chín ước đạt 449 tỷ đồng, tăng 3,65% so với tháng trước và tăng 22,27% so cùng kỳ năm trước. Tính chung chín

tháng năm 2026, vận tải hành khách ước đạt 52,7 triệu lượt người vận chuyển và 4.866 triệu lượt người luân chuyển, lần lượt tăng 10,15% về lượt người vận chuyển và tăng 10,79% về lượt người luân chuyển so với cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hành khách chín tháng ước đạt 3.799 tỷ đồng, tăng 13,47% so với cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hóa tháng Chín ước đạt 7,1 triệu tấn vận chuyển và 1.812 triệu tấn luân chuyển, lần lượt tăng 0,98% về tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 0,20% về tấn hàng hóa luân chuyển so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước lần lượt tăng 17,27% về tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 7,97% về tấn hàng hóa luân chuyển; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 1.864 tỷ đồng, tăng 1,35% so với tháng trước và tăng 14,23% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung chín tháng năm 2026, vận tải hàng hóa ước đạt 60,1 triệu tấn vận chuyển và 16.112 triệu tấn luân chuyển, lần lượt tăng 13,69% về tấn hàng hóa vận chuyển và tăng 12,24% về tấn hàng hóa luân chuyển so với cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hàng hóa chín tháng ước đạt 16.270 tỷ đồng, tăng 18,78% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng Chín có doanh thu ước đạt 207 tỷ đồng, tăng 0,84% so với tháng trước và tăng 22,97% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung chín tháng năm 2026, doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 1.781 tỷ đồng, tăng 9,73% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu bưu chính, chuyển phát tháng Chín ước đạt 26 tỷ đồng, tăng 3,08% so với tháng trước và tăng 27,83% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung chín tháng năm 2026, doanh thu bưu chính, chuyển phát ước đạt 215 tỷ đồng, tăng 27,51% so với cùng kỳ năm trước.

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ KIỂM CHẾ LẠM PHÁT

1. Hoạt động đầu tư

Chín tháng năm 2026, hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong bối cảnh cả nước đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, phục hồi sản xuất kinh doanh và thu hút mạnh mẽ dòng vốn đầu tư ngoài nhà nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đặc biệt, ngày 12/9/2026, có 7 dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp và giao thông lớn đồng loạt được bấm nút khởi công trên địa bàn tỉnh nhằm mở rộng không gian phát triển và đón dòng vốn đầu tư: Dự án Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-3); Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Thổ Hoàng; Khu công nghiệp số 10 - Hưng Yên; Dự án đầu tư khu công nghiệp số 15; CCN Đa Lộc; CCN Lạc Đạo; Dự án xây dựng đường bên và các cầu vượt trên tuyến đường kết nối di sản văn hóa, du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng.

a) Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh quý III ước đạt 44.871 tỷ đồng, tăng 17,01% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: vốn khu vực nhà nước 14.554 tỷ đồng, tăng 22,35%; khu vực ngoài nhà nước 25.185 tỷ đồng, tăng 20,02%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 5.133 tỷ đồng, giảm 6,15%. Tính chung chín tháng năm 2026, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ước đạt 117.508 tỷ đồng, tăng 14,28% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội phân theo nguồn vốn như sau: Vốn thuộc khu vực nhà nước đạt 32.705 tỷ đồng, tăng 17,84%; khu vực ngoài nhà nước 69.003 tỷ đồng, tăng 17,87%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 15.800 tỷ đồng, giảm 4,43%.

b) Vốn đầu tư ngân sách địa phương

Ước tính vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng Chín đạt 5.357 tỷ đồng, tăng 23,78% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 4.510 tỷ đồng, tăng 76,83%; vốn ngân sách cấp nhà nước cấp xã 847 tỷ đồng, giảm 52,35%. Tính chung chín tháng năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 29.557 tỷ đồng, tăng 17,65% so với cùng kỳ năm trước và đạt 54,03% kế hoạch năm. Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 21.380 tỷ đồng, tăng 50,31% so với cùng kỳ năm trước và đạt 48,10% kế hoạch; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 8.177 tỷ đồng, giảm 24,98% so với cùng kỳ năm trước và đạt 79,72% kế hoạch năm

c) Hoạt động đầu tư nước ngoài

Tính đến 25/9/2025, toàn tỉnh có 1.011 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động, với tổng số vốn đăng ký là 18.943,82 triệu USD, trong đó, từ đầu năm đến nay có 47 dự án đăng ký mới với số vốn đăng ký là 775,86 triệu USD. Các quốc gia có số dự án, vốn đầu tư chủ yếu là: Thứ nhất là Nhật Bản có 205 dự án, vốn đăng ký là 6.819,11 triệu USD, chiếm 36,0% tổng vốn đăng ký; thứ hai là Trung Quốc có 393 dự án, vốn đăng ký 4.748,66 triệu USD, chiếm 25,07% tổng vốn đăng ký; thứ ba là Hàn Quốc có 216 dự án, vốn đăng ký 2.288,88 triệu USD, chiếm 12,08% tổng số vốn đăng ký.

2. Phát triển doanh nghiệp

Tính từ ngày 22/8/2026 đến ngày 21/9/2026, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trên địa bàn tỉnh là 255 doanh nghiệp, với vốn đầu tư đăng ký 3.070 tỷ đồng. Các doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực: công nghiệp chế biến, chế tạo 50 doanh nghiệp, vốn đăng ký 378 tỷ đồng; sản xuất và phân phối, điện, nước, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí 4 doanh nghiệp, vốn đăng ký 16 tỷ đồng; xây dựng 21 doanh nghiệp, vốn đăng ký 98 tỷ đồng; bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy 100 doanh nghiệp, vốn đăng ký 399 tỷ đồng; vận tải, kho bãi 24 doanh nghiệp, vốn đăng ký 96 tỷ đồng; dịch vụ lưu trú, ăn uống 6 doanh nghiệp, vốn đăng ký 10 tỷ đồng;...

Lũy kế từ ngày 22/12/2025 đến ngày 21/9/2026, toàn tỉnh có 4.030 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, vốn đầu tư đăng ký đạt 44.606 tỷ đồng. Trong đó: ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới nhiều nhất, với 1.639 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 6.515 tỷ đồng (chiếm 14,61% tổng vốn đăng ký); công nghiệp chế biến, chế tạo 785 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 8.435 tỷ đồng (chiếm 18,91%); xây dựng 377 doanh nghiệp, vốn đăng ký 2.192 tỷ đồng (chiếm 4,91%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 192 doanh nghiệp, vốn đăng ký 473 tỷ đồng (chiếm 1,06%); hoạt động vận tải, kho bãi 322 doanh nghiệp, vốn đăng ký 1.458 tỷ đồng (chiếm 3,27%); hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ 137 doanh nghiệp, vốn đăng ký 552 tỷ đồng (chiếm 1,24%);...

Trong tháng Chín (tính từ ngày 22/8/2026 đến ngày 21/9/2026), không có doanh nghiệp quay trở lại hoạt động. Lũy kế từ ngày 22/12/2025 đến ngày 21/9/2026, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động sau thời gian tạm ngừng là 610 doanh nghiệp.

Cũng từ ngày 22/8/2026 đến ngày 21/9/2026, không phát sinh doanh nghiệp giải thể và doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh. Lũy kế từ ngày 22/12/2025 đến ngày 21/9/2026, toàn tỉnh có 744 doanh nghiệp giải thể và 1.540 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh. Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 149 doanh nghiệp giải thể và 374 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, lần lượt chiếm 20,03% tổng số doanh nghiệp giải thể và chiếm 24,29% tổng số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động; ngành bán buôn, bán lẻ có 269 doanh nghiệp giải thể và 528 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, chiếm 36,16% và 34,29%; kinh doanh bất động sản có 45 doanh nghiệp giải thể và 35 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, chiếm 6,05% và 2,27%; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ có 26 doanh nghiệp giải thể và 72 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, chiếm 3,49% và 4,68%;...

3. Hoạt động tài chính, ngân hàng

a) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh tháng Chín ước đạt 3.434 tỷ đồng, giảm 11,78% so với tháng cùng kỳ năm 2025. Trong đó: Thu nội địa 2.729 tỷ đồng, giảm 20,53%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 705 tỷ đồng, tăng 53,80%. Một số khoản thu chủ yếu trong tháng dự tính như sau: thu từ DNNN 122 tỷ đồng, tăng 36,48%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 115 tỷ đồng, giảm 30,89%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 514 tỷ đồng, giảm 47,95%; thu lệ phí trước bạ 128 tỷ đồng, giảm 7,68%; thu thuế thu nhập cá nhân 92 tỷ đồng, giảm 65,83%; các khoản thu về đất 1.632 tỷ đồng, giảm 0,43%;...

Tính chung chín tháng năm 2026, thu ngân sách nhà nước ước đạt 52.929 tỷ đồng, giảm 25,29% so với cùng kỳ năm trước và đạt 62,82% kế hoạch năm.

Trong đó: thu nội địa 47.402 tỷ đồng, giảm 28,45% và đạt 61,09% kế hoạch năm; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 5.527 tỷ đồng, tăng 20,25% và bằng 83,12% kế hoạch năm. Một số khoản thu nội địa chủ yếu như sau: thu từ DNNN 1.008 tỷ đồng, giảm 0,76%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 3.559 tỷ đồng, tăng 16,38%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 18.857 tỷ đồng, tăng 23,33%; thu lệ phí trước bạ 1.263 tỷ đồng, tăng 2,93%; thuế thu nhập cá nhân 2.499 tỷ đồng, giảm 13,71%; các khoản thu về đất 18.710 tỷ đồng, giảm 54,51%;...

b) Chi ngân sách nhà nước địa phương

Chi ngân sách nhà nước địa phương tháng Chín ước đạt 7.052 tỷ đồng, tăng 109,85% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: chi đầu tư phát triển 5.256 tỷ đồng, tăng 585,52%; chi thường xuyên 1.795 tỷ đồng, giảm 30,78%.

Tính chung chín tháng năm 2026, chi ngân sách nhà nước địa phương ước đạt 58.574 tỷ đồng, tăng 24,49% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Chi đầu tư phát triển 37.995 tỷ đồng, chiếm 64,87% tổng chi ngân sách và tăng 36,69%; chi thường xuyên 20.578 tỷ đồng, chiếm 35,13% tổng chi ngân sách và tăng 6,86% so với cùng kỳ năm trước. Một số lĩnh vực chi thường xuyên như sau: chi sự nghiệp kinh tế 883 tỷ đồng, giảm 27,31%; chi giáo dục, đào tạo 7.273 tỷ đồng, tăng 2,69%; chi sự nghiệp y tế 2.159 tỷ đồng, tăng 30,34%; chi đảm bảo xã hội 4.782 tỷ đồng, tăng 105,35%; chi quản lý hành chính 3.725 tỷ đồng, giảm 33,12%;...

c) Hoạt động ngân hàng

Ước tính đến thời điểm 30/9/2026, nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đạt 345.000 tỷ đồng, tăng 11,54% so với thời điểm 31/12/2025. Trong đó: tiền gửi 340.500 tỷ đồng, tăng 10,83% và chiếm 98,70% tổng nguồn vốn; phát hành giấy tờ có giá 4.500 tỷ đồng, tăng 115,52% và chiếm 1,30%.

Dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế ước tính đến thời điểm 30/9/2026 đạt 286.100 tỷ đồng, tăng 8,0% so với thời điểm 31/12/2025. Trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn 205.000 tỷ đồng, tăng 6,91%; dư nợ cho vay trung và dài hạn 81.100 tỷ đồng, tăng 10,85%. Dư nợ cho vay bằng nội tệ 276.500 tỷ đồng, tăng 6,95%; dư nợ cho vay bằng ngoại tệ 9.600 tỷ đồng, tăng 50,59%. Dư nợ tín dụng trong các lĩnh vực được ưu tiên đạt 186.350 tỷ đồng, tăng 7,32% so với thời điểm 31/12/2025. Chia theo lĩnh vực như sau: nông nghiệp, nông thôn 119.500 tỷ đồng, tăng 4,52%; xuất khẩu 1.720 tỷ đồng, tăng 6,17%; doanh nghiệp nhỏ và vừa 59.700 tỷ đồng, tăng 14,05%; công nghiệp hỗ trợ 5.430 tỷ đồng, tăng 1,69%.

Về chất lượng tín dụng: Nợ xấu đến thời điểm 30/9/2026 ước tính là 1.800 tỷ đồng (chiếm 0,63% dư nợ tín dụng), giảm 0,08% so với thời điểm 31/12/2025.

4. Chỉ số giá

a) Chỉ số giá tiêu dùng

So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Chín giảm nhẹ - giảm 0,01%. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 06 nhóm hàng có chỉ số giá giảm và 05 nhóm hàng có chỉ số giá tăng. Các nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,64%; đồ uống và thuốc lá giảm 0,45%; may mặc, mũ nón và giày dép giảm 0,40%; thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,44%; thông tin và truyền thông giảm 0,50%; văn hoá, giải trí và du lịch giảm 0,25%. Các nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá tăng là: nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,01%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; giao thông tăng 2,12%; giáo dục tăng 1,37%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,08%.

So với tháng 12 năm 2025, chỉ số giá tiêu dùng tháng Chín tăng 3,53%. Tất cả các nhóm hàng hóa và dịch vụ chính đều có chỉ số giá tăng, cụ thể: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,32%; đồ uống và thuốc lá tăng 2,97%; hàng may mặc, mũ nón, giày, dép tăng 0,90%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,17%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,83%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,51%; giao thông tăng 10,12%; thông tin và truyền thông tăng 0,48%; giáo dục tăng 0,38%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 4,54%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,71%.

So với tháng cùng kỳ năm trước, chỉ số giá tiêu dùng tháng chín tăng 4,08%. Trong đó: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,32% (lương thực tăng 1,20%; thực phẩm tăng 4,99%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,95%); đồ uống và thuốc lá tăng 4,84%; hàng may mặc, mũ nón, giày, dép tăng 2,18%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 4,46%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,84%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,34%; giao thông tăng 8,42%; thông tin và truyền thông tăng 0,67%; giáo dục tăng 0,38%; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 4,29%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,15%.

Bình quân chung chín tháng năm 2026, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,29% so với cùng kỳ năm trước. Tất cả các nhóm hàng hóa và dịch vụ chính đều có chỉ số giá tăng. Cụ thể: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,32%; đồ uống và thuốc lá tăng 5,23%; hàng may mặc, mũ nón, giày, dép tăng 2,46%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,87%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,25%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,30%; giao thông tăng 5,07%; thông tin và truyền thông tăng 0,95%; giáo dục tăng 0,90%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 4,33%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,21%.

b) Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá vàng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tháng Chín tăng 2,33% so với tháng trước, nguyên nhân chủ yếu do giá vàng trong nước điều chỉnh tăng theo diễn biến của giá vàng thế giới. Bình quân tháng Chín năm 2026, giá vàng xấp xỉ 14.673.330 VNĐ/chỉ.

Tháng qua, tỷ giá USD trong nước biến động giảm theo xu hướng giảm của đồng USD trên thị trường quốc tế. Chỉ số giá đồng đô la Mỹ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tháng Chín năm 2026 giảm 0,69% so với tháng trước, tỷ giá chuyển đổi bình quân 1 USD xấp xỉ 26.010 VNĐ.

III. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

1. Tình hình thiên tai

Chiều tối ngày 21/8/2026, áp thấp nhiệt đới trên khu vực Bắc Vịnh Bắc Bộ đã mạnh lên thành bão - Con bão số 4 (bão Narra). Do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 4, từ ngày 23/8 đến hết ngày 24/8/2026, trên địa bàn tỉnh có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to, lượng mưa phổ biến 80-150mm, có nơi trên 200mm. Tại nhiều xã, phường trên địa bàn tỉnh đã xảy ra hiện tượng ngập lụt. Tỉnh đã triển khai các phương án ứng phó, trọng tâm là bảo đảm an toàn đề điều, khu vực ven biển và chủ động tiêu úng, bảo vệ sản xuất và đời sống nhân dân. Công tác tiêu úng tốt nên diện tích lúa mùa ngập úng không bị ảnh hưởng tới năng suất. Thiệt hại do bão số 4 và mưa lớn gây ra được hạn chế thấp nhất.

2. Lao động việc làm và an sinh xã hội

Lao động việc làm: Trong tháng Chín, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 5.200 người, trong đó xuất khẩu lao động là 620 người. Giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho 898 người; tư vấn giới thiệu việc làm cho 4.048 người. Trong quý III năm 2026, tổng số lao động được giải quyết việc làm là 15.500 người, trong đó xuất khẩu lao động là 1.990 người. Thực hiện chính sách trợ cấp thất nghiệp cho 3.580 người. Tư vấn giới thiệu việc làm cho trên 12.500 người. Tính chung chín tháng năm 2026, tổng số lao động được giải quyết việc làm là 46.420 người (đạt 77,3% kế hoạch năm), trong đó xuất khẩu lao động là 5.310 người. Thực hiện chính sách trợ cấp thất nghiệp cho 8.110 người. Tư vấn giới thiệu việc làm cho trên 29.000 người.

Công tác Người có công: Từ đầu năm đến nay, công tác đền ơn đáp nghĩa và thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được triển khai đồng bộ, kịp thời, thiết thực và hiệu quả. Nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, toàn tỉnh đã tổ chức trao tặng quà của Đảng, Nhà nước cho 100.791 người có công với cách mạng, thân nhân và người thờ cúng liệt sĩ; hoàn thành trao 106.413 suất quà của Chủ tịch nước với tổng kinh phí 32,65 tỷ đồng. Đồng thời, quà tặng của Tỉnh ủy - HĐND - UBND - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh được trao với tổng kinh phí 104,58 tỷ đồng; các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân đã trao trên 15.000 suất quà, với tổng kinh phí trên 8,4 tỷ đồng. Tổ chức các đoàn lãnh đạo tỉnh thăm, tặng quà người có công và thân nhân người có công tại gia đình, các cơ sở điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công trong và ngoài tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và của tỉnh nhân kỷ niệm 79 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2026), toàn tỉnh đã trao tặng quà của Chủ tịch nước đối với 104.681 người có công, với tổng kinh phí trên 32,1 tỷ đồng; quà của Tỉnh ủy - HĐND - UBND - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đối với 115.490 người có công, với tổng kinh phí 103,941 tỷ đồng. Tổ chức 03 Đoàn đại biểu lãnh đạo tỉnh đi dâng hương, viếng các Nghĩa trang liệt sĩ quốc gia và các công trình ghi công liệt sĩ từ ngày 10-19/7/2026, gồm: Nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Trường Sơn, Nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Đường 9 (tỉnh Quảng Trị), Nghĩa trang Liệt sĩ Vị Xuyên (tỉnh Tuyên Quang) và các Nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Tổ chức 04 Đoàn đại biểu Lãnh đạo tỉnh đi thăm, tặng quà tại gia đình đối với người có công với cách mạng và thân nhân tại 18 xã trên địa bàn tỉnh. Thăm, tặng quà tại 07 cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng trong và ngoài tỉnh với tổng kinh phí 51.000.000 đồng. Tổ chức Đoàn đại biểu người có công tỉnh Hưng Yên tham dự Hội nghị tri ân người có công với cách mạng toàn quốc từ ngày 22/7/2026 đến ngày 23/7/2026.

Công tác giải quyết chế độ, chính sách ưu đãi người có công được thực hiện kịp thời, hiệu quả. Từ đầu năm đến nay, tỉnh đã giải quyết khoảng 12.000 lượt hồ sơ thủ tục hành chính, 100% hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt trên 97%. Đã ban hành quyết định giải quyết chế độ điều dưỡng đối với 22.080 người có công và thân nhân liệt sĩ với kinh phí trên 73,1 tỷ đồng. Thực hiện xong kế hoạch tổ chức điều dưỡng tập trung cho người có công và thân nhân liệt sĩ tại Trung tâm Điều dưỡng chăm sóc người có công Sầm Sơn thuộc Cục Người có công; cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, 12 dụng cụ chỉnh hình, thiết bị phục hồi chức năng cho 1.581 người có công với kinh phí trên 2,3 tỷ đồng. Tỷ lệ chi trả trợ cấp ưu đãi qua tài khoản đạt 95,56%. Công tác nuôi dưỡng người có công được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định. Thực hiện “Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh thực hiện tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ” tại Chỉ thị số 14-TU/CT ngày 21/5/2026 và Kế hoạch lấy mẫu hài cốt liệt sĩ đối với mộ liệt sĩ chưa xác định được thông tin trong các nghĩa trang liệt sĩ.

3. Hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch

a) Hoạt động văn hoá

Chín tháng năm 2026, trên địa bàn tỉnh đã diễn ra nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ, ngày kỷ niệm của đất nước, của tỉnh. Nhân dịp năm mới, tỉnh tổ chức Chương trình nghệ thuật quần chúng “Chào năm mới 2026”; Chương trình nghệ thuật mừng Đảng, mừng Xuân Bính Ngọ 2026 tại Công viên Kỳ Bá, phường Trần Lãm (Đêm Giao thừa); Chương trình nghệ thuật tại Liên hoan Âm thực tỉnh Hưng Yên lần thứ III, năm 2026; tổ chức trình diễn Di sản văn hóa hát Chèo, Trống Quân, Ca Trù, Xẩm; tổ chức trình diễn Di sản văn hóa phi vật thể hát Ca trù tại Lễ hội Đền Trần năm 2026. Tham gia Liên hoan

Tuyên truyền lưu động toàn quốc do Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện tổ chức, kết quả đạt được: 01 giải A, 02 giải B; tham gia sáng tác tranh cổ động tuyên truyền kỷ niệm 115 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911 - 5/6/2026). Tỉnh tham gia Hội diễn đàn, hát dân ca 3 miền tại TP. Huế, giành 02 Huy chương Vàng, 03 Huy chương Bạc và 01 Giấy khen; tuyên truyền Cuộc thi sáng tác ca khúc về tỉnh Hưng Yên năm 2026. Toàn tỉnh tuyên truyền kỷ niệm 81 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhân kỷ niệm 300 năm Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn.

Về thư viện: Tổ chức trưng bày, giới thiệu sách báo nhân dịp ngày lễ, ngày kỷ niệm của đất nước; tổ chức Tuần lễ đọc và trưng bày, giới thiệu sách báo, tư liệu về Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn (giới thiệu 2.106 cuốn sách, báo, tài liệu và 28.000 trang tài liệu số); tổ chức Liên hoan “Giai điệu tuổi hồng và Thiếu nhi kể chuyện” tỉnh Hưng Yên hè năm 2026 (thu hút gần 1.200 em thiếu nhi tham gia); tặng 100 bản sách và luân chuyển 500 bản sách cho Phòng đọc Tổ dân phố 10, phường Trần Lãm; tiếp nhận trên 600 cuốn sách của các nhà văn, nhà thơ thành viên Nhóm “Búp trên cành” trao tặng.

Về nghệ thuật biểu diễn và văn học: Từ đầu năm đến nay, tỉnh tổ chức 103 buổi biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trong và ngoài tỉnh phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của Nhân dân, tiêu biểu như: Chương trình nghệ thuật chào mừng thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và kỷ niệm 96 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quảng trường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến; chương trình nghệ thuật “Hưng Yên rực rỡ sắc xuân” mừng xuân Bính Ngọ, tại Quảng trường Nguyễn Văn Linh; Chương trình ca múa nhạc chào mừng Hội nghị phát động hiến tặng tài liệu, tư liệu, hiện vật xây dựng Bảo tàng Đảng Cộng sản Việt Nam; vở chèo “Bảng nhãn Lê Quý Đôn” và hoạt cảnh chèo “Nặng nghĩa non sông” nhân dịp kỷ niệm 300 năm ngày sinh Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn; vở chèo “Bản hùng ca xứ nhãn” tại Lễ hội Nhãn lồng năm 2026; chương trình ca múa nhạc “Hưng Yên quê hương tôi”.

Về điện ảnh: Chín tháng năm 2026, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh tổ chức khoảng 563 buổi chiếu phim phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu giải trí của Nhân dân.

b) Hoạt động thể dục thể thao

Thể dục thể thao cho mọi người: Tỉnh tổ chức thành công Đại hội TDTT tỉnh Hưng Yên lần thứ X năm 2026. Tổ chức thành công 16 môn thi đấu trong chương trình Đại hội TDTT. Tổ chức Lễ phát động Toàn dân tập luyện môn Bơi, phòng chống đuối nước tỉnh Hưng Yên. Tổ chức Lễ ra mắt Câu lạc bộ Bóng đá Hưng Yên. Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức Chương trình đi bộ Cùng Việt Nam tiến bước.

Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp: Duy trì công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên ở 18 môn thể thao (515 vận động viên); định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá, thải loại, bổ sung đảm bảo lực lượng vận động viên; thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao kỹ chiến thuật, chuẩn bị tốt lực lượng tham gia thi đấu các giải quốc gia, quốc tế và các giải trong chương trình Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X. Từ đầu năm đến nay, đoàn thể thao của tỉnh đã tham dự 59 giải thể thao quốc gia, 9 giải quốc tế, đạt 449 huy chương các loại, trong đó: 106 HCV, 108 HCB, 235 HCD. Đội Bóng đá nhi đồng U11 vào đến vòng Tứ kết Cúp Nestlé Milo năm 2026.

c) Hoạt động du lịch

Tỉnh tổ chức thành công Liên hoan âm thực tỉnh Hưng Yên lần thứ III năm 2026. Tỉnh xây dựng và đặt 14 bảng quét QR code thông tin du lịch đặt tại các điểm trên địa bàn tỉnh; bộ sản phẩm, lưu niệm, quà tặng du lịch phục vụ tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch Hưng Yên: Logo huy hiệu cài áo, túi du lịch Hưng Yên, ảnh đẹp du lịch, móc treo chìa khoá; tham gia quảng bá và xúc tiến du lịch Hưng Yên. Đón và hướng dẫn trên 1.000 khách về tham quan các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh: Khu di tích quốc gia đặc biệt Phố Hiến (đền Mẫu, đền Trần, Văn Miếu Xích Đằng, đình chùa Hiến, chùa Chuông), quần thể di tích làng Nôm; đền Đa Hoà, Chùa Keo, khu lăng mộ và đền thờ các vị vua Trần,... Nâng cấp giao diện Cổng thông tin du lịch thông minh; cập nhật số hóa các khu, điểm du lịch, các di tích và các sản phẩm OCOP tiêu biểu trên địa bàn tỉnh; viết tin bài đăng trên Cổng du lịch; nâng cấp trang thông tin điện tử du lịch Hưng Yên: hungyentourism.com.vn; ứng dụng di động app mobile tuyên truyền du lịch Hưng Yên; xây dựng Bản đồ số du lịch tỉnh Hưng Yên.

4. Giáo dục, đào tạo

Chín tháng năm 2026, ngành giáo dục của tỉnh đã hoàn thành nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 theo đúng kế hoạch và có hiệu quả. Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026, Hưng Yên xếp thứ 9/34 tỉnh, thành phố về điểm trung bình các môn thi, tăng 02 bậc so với năm 2025; có 409 điểm 10, có 01 học sinh thủ khoa toàn quốc khối A01 và 01 học sinh á khoa toàn quốc khối A00.

Đến ngày 31/8/2026, tỉnh Hưng Yên đã hoàn thành việc thực hiện nhiệm vụ sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp, 100% số xã, phường đã hoàn thành việc sắp xếp các cơ sở giáo dục và bố trí cán bộ quản lý, nhân sự hỗ trợ giáo dục tại các cơ sở giáo dục mới thành lập, giảm 61,9% (từ 1.159 xuống 441) đầu mỗi cơ sở giáo dục toàn tỉnh. Đồng thời, hoàn thành hợp nhất 15 Trung tâm GDNN-GDTX thành 07 Trung tâm GDNN-GDTX. Sau sắp xếp, cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh cơ bản bảo đảm yêu cầu tinh gọn đầu mối, tập trung nguồn lực.

Hiện tại, cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh có: 133 trường mầm non, 133 trường tiểu học, 111 trường THCS, 54 trường THPT, 10 Trung tâm GDNN-GDTX.

Ngày 05/9/2026, cùng với các cơ sở giáo dục trên cả nước, toàn bộ các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tổ chức lễ khai giảng năm học 2026 - 2027. Trước thềm năm học mới, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã chủ động tu bổ, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trường, lớp học, trong đó tập trung các hạng mục công trình như phòng học, thư viện, bếp ăn, nhà vệ sinh, công trình nước sạch,... huy động các nguồn lực sửa chữa, bổ sung trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, bảo đảm khuôn viên, cảnh quan môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện.

5. Hoạt động y tế

Tình hình bệnh truyền nhiễm: Chín tháng năm 2026, toàn tỉnh không ghi nhận bệnh dịch lớn, nguy hiểm xảy ra trên địa bàn. Các ổ dịch được giám sát và xử lý kịp thời, hạn chế tối đa ca mắc và tử vong tại cộng đồng. Cụ thể như sau:

- Bệnh tay chân miệng: Không ghi nhận chùm ca bệnh, ổ dịch nguy hiểm. Lũy kế số ca mắc từ đầu năm 2026 là 1.567 ca.

- Bệnh sởi: Lũy kế số ca mắc từ đầu năm 2026 là 82 ca. Hoạt động phòng chống dịch bệnh, xử lý các ca bệnh Sởi tại các cơ sở giáo dục và cộng đồng được triển khai theo quy định.

- Bệnh sốt xuất huyết Dengue: Các hoạt động giám sát, xử lý ổ dịch và phòng, chống véc tơ nhằm kiểm soát nguồn lây, hạn chế sự lan rộng của dịch bệnh và giảm số ca mắc trong những tuần tiếp theo được thực hiện theo quy định. Lũy kế số ca mắc từ đầu năm 2026 là 287 ca.

- Ho gà: Lũy kế số ca mắc từ đầu năm 2026 là 16 ca.

- Bệnh COVID-19: Lũy kế số ca mắc từ đầu năm 2026 là 422 ca, toàn tỉnh duy trì hoạt động giám sát, quản lý theo qui định.

- Hội chứng cúm: Chủ yếu các chủng gây bệnh là cúm A, cúm B thông thường. Không phát hiện các trường hợp mắc cúm nguy hiểm như cúm A H5N1, H7N9. Hoạt động giám sát, phát hiện, xử lý nhanh các chùm ca bệnh/ổ dịch; đặc biệt là các ổ dịch phát sinh tại nơi tập trung đông người như trường học, khu công nghiệp, khu du lịch,... được duy trì.

- Các bệnh truyền nhiễm lưu hành khác như quai bị, thủy đậu... qua giám sát hiện chưa thấy dấu hiệu bất thường. Các bệnh truyền nhiễm có nguy cơ xâm nhập khác như cúm gia cầm, đậu mùa khỉ chưa phát hiện ca mắc/nghi mắc trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động tiêm chủng: Cung ứng đầy đủ và kịp thời các loại vắc xin và vật tư đảm bảo an toàn, không xảy ra tai biến trong và sau tiêm chủng. Duy trì tiêm chủng thường xuyên cho các đối tượng trong toàn tỉnh từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng; ước tính đạt tỷ lệ theo kế hoạch đề ra.

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: Ngành chuyên môn tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về an toàn thực phẩm, tập trung nhiều trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và lễ hội xuân 2026; Tháng hành động vì an toàn thực phẩm (từ ngày 15/4 - 15/5/2026) và dịp Tết Trung thu năm 2026. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ nghi ngộ độc thực phẩm.

6. Công tác vi phạm môi trường; phòng chống cháy, nổ

Trong tháng Chín (từ ngày 24/8/2026 - 23/9/2026), toàn tỉnh phát hiện 31 vụ vi phạm môi trường, đã xử lý 31 vụ với số tiền xử phạt 195 triệu đồng. So với tháng trước, số vụ vi phạm tăng 15 vụ, tương ứng tăng 93,75%; số vụ đã xử lý tăng 15 vụ, tăng 93,75%; số tiền xử phạt giảm 617 triệu đồng, giảm 34,97%. So với tháng cùng kỳ năm 2025, số vụ vi phạm môi trường đã phát hiện tăng 22 vụ, tăng 244,44%; số vụ đã xử lý tăng 25 vụ, tăng 416,67%; số tiền xử phạt giảm 105 triệu đồng, giảm 34,97%. Lũy kế chín tháng năm 2026, toàn tỉnh phát hiện 115 vụ vi phạm môi trường, đã xử lý 127 vụ với số tiền xử phạt 4.886 triệu đồng. So với cùng kỳ năm 2025, số vụ vi phạm đã phát hiện giảm 22 vụ, tương ứng giảm 16,06%; số vụ đã xử lý tăng 36 vụ, tăng 39,56%; số tiền xử phạt giảm 482 triệu đồng, giảm 8,98%. Các hành vi vi phạm chủ yếu là đổ rác thải, xả thải không đúng quy định, với mức xử phạt hành chính tương đối thấp.

Theo số liệu của Công an tỉnh Hưng Yên, từ ngày 15/8/2026 đến ngày 14/9/2026, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã xảy ra 01 vụ cháy (xã Như Quỳnh); không xảy ra vụ nổ; khiến 01 người chết; không có người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, tổng số vụ cháy, nổ giảm 01 vụ; số người chết tăng 01 người; số người bị thương giảm 01 người. Chín tháng năm 2026, toàn tỉnh xảy ra 33 vụ cháy, nổ; làm chết 02 người; làm bị thương 03 người.

7. An toàn giao thông

Từ ngày 15/8/2026 đến ngày 14/9/2026, toàn tỉnh xảy ra 30 vụ tai nạn giao thông (đường bộ), làm chết 20 người, làm bị thương 15 người. So với tháng trước, số vụ tai nạn giảm 18 vụ, giảm 37,50%; số người chết giảm 03 người, giảm 13,04%; số người bị thương giảm 24 người, giảm 61,54%. So với cùng kỳ năm 2025, số vụ tai nạn giảm 21 vụ, giảm 41,18%; số người chết giảm 11 người, giảm 35,48%; số người bị thương giảm 24 người, giảm 61,54%. Lũy kế chín tháng năm 2026 (từ ngày 15/12/2025 đến ngày 14/9/2026), toàn tỉnh xảy ra 341 vụ tai nạn giao thông (đường bộ 338 vụ, đường sắt 01 vụ, đường thủy nội địa 02 vụ), làm

chết 230 người (đường bộ 229 người, đường sắt 01 người), làm bị thương 184 người (đường bộ). So với cùng kỳ năm 2025, số vụ tai nạn giảm 85 vụ, giảm 19,95%; số người chết giảm 20 người, giảm 8,0%; số người bị thương giảm 91 người, giảm 33,09%. Trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê (Ban THĐN);
- Đ/c Bí thư, Phó Bí thư TTTU, TVTU;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Ban Tuyên giáo TU;
- Lưu: VT, TH.

TRƯỞNG THỐNG KÊ



Đào Trọng Truyền